TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quyết định giám đốc thẩm Số: 07/2024/KDTM-GĐT Ngày 11-6-2024 V/v tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Ông Ngô Tiến Hùng;

Ông Nguyễn Văn Dũng;

Bà Lương Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại *"Tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu hàng hóa"* giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần T;

Địa chỉ: Số 374A Hùng V, phường Hùng V, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Q; cư trú tại: Số 18/233 Nguyễn Đức C, phường Cát D, quận Lê C, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2019).

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần T1;

Địa chỉ: Số 374A Hùng V, phường Hùng V, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Mạnh H; cư trú tại: Số 3/2A Vĩnh N, quận Lê C, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cục S trí tuệ;

Địa chỉ: Số 384-386 đường Nguyễn T, phường Thanh Xuân T, quận Thanh X, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Cục S trí tuệ: Ông Phan Thanh T và bà Đinh Thị Mai D; cùng địa chỉ tại: Số 384-386 đường Nguyễn T, phường Thanh Xuân T, quận Thanh X, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2020).

2. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1965; cư trú tại: Nhà A5, dãy A3, Lô 8A đường Lê Hồng P, quận Hải A, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty cổ phần T (do ông Đỗ Văn Q là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Công ty cổ phần T (viết tắt là Công ty T) là chủ sở hữu đối với Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: "Quê Tôi, hình", số bằng: 172810 cấp ngày 29/9/2011, có hiệu lực đến 20/8/2020. Năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty T đã họp và ra Quyết định về việc chuyển nhượng một số tài sản của Công ty T cho Công ty cổ phần T1 (viết tắt là Công ty T1). Riêng đối với nhãn hiệu "Quê Tôi, hình", Hội đồng quản trị Công ty T chỉ đồng ý cho Công ty T1 sử dụng nhãn hiệu trong một thời hạn nhất định. Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty T đã quyết định giao cho ông Bùi Văn C1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty T chịu trách nhiệm ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" với Công ty T1; ông Bùi Văn C1 được quyền quyết định về thời hạn và mức phí Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho Công ty T1. Tháng 8/2018, sau khi Hội đồng quản trị của Công ty T được triệu tập họp về việc kiểm kê tài sản của Công ty thì Công ty T mới biết được việc ông Bùi Văn C ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp trái thẩm quyền.

Ngày 27/9/2013, Công ty T1 đã nộp đơn đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số CB4-2013-0Q482 và ngày 30/12/2013, Công ty T1 đã được Cục S trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 6778/ĐKHĐSH.

Việc ông Bùi Văn C không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty T, cũng không được sự ủy quyền hay được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty T đã tự ý ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" với giá chuyển nhượng miễn phí cho Công ty T1 là trái quy định của Luật Doanh nghiệp và vi phạm quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" cho Công ty T1 ngày 10/9/2013 là vô hiệu và không có giá trị pháp lý.

Do đó, nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" giữa Công ty T và Công ty T1 ngày 10/9/2013 vô hiệu và tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký Hợp

đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 6778/ĐKHĐSH ngày 30/12/2013 của Cục S trí tuệ. Công ty T không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Bị đơn là Công ty cổ phần T1 (do ông Hoàng Mạnh H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Năm 2009, Nhà máy C - Chi nhánh Công ty T được thành lập, ông Nguyễn Văn X là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật. Sau đó, ông X đã sáng tác ra nhãn hiệu "Quê Tôi" cho Nhà máy, đến năm 2011 thì nhãn hiệu được đăng ký tại Cục S trí tuệ. Chi nhánh trực thuộc Công ty T nên nhãn hiệu của Nhà máy được Công ty T đại diện đăng ký. Đến năm 2013, do sự phát triển của thương hiệu và tăng trưởng của Nhà máy nên Chi nhánh chuyển thành Công ty cổ phần T1 với các cổ đông sáng lập là ông Bùi Văn C1, ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Thành L (toàn bộ tài sản của Chi nhánh do Công ty T1 và ông X góp vốn đã được chuyển trả lại). Sau khi Công ty T1 được lập, nhãn hiệu "Quê Tôi" được chuyển nhượng sang cho Công ty T1. Việc chuyển nhượng được đăng ký tại Cục S trí tuệ và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp. Cũng trong năm 2013, ông X làm thủ tục đăng ký kiểu dáng công nghiệp; đến tháng 5/2015, Cục S trí tuệ cấp Bằng độc quyền sở hữu trí tuệ cho Công ty T1.

Trong suốt thời gian hơn 10 năm từ năm 2004 đến tháng 05/2019, cổ đông của Công ty T không thay đổi là ông Bùi Văn C1 cùng vợ là bà Ngô Thị P và em trai ruột là ông Bùi Văn C, ông Bùi Văn C luôn là đại diện cho Công ty T. Ông C1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị của cả Công ty T1 và Công ty T. Như vậy, người đại diện theo pháp luật biết và không có ý kiến phản đối, chấp nhận hưởng lợi, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Cục S trí tuệ (do ông Phan Thanh T và bà Đinh Thị Mai D đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Cục S trí tuệ tiếp nhận đơn khi có đủ các tài liệu cần thiết theo quy định tại Điểm 47.1 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp ký ngày 10/9/2013 giữa Công ty T và Công ty T1 gồm 02 trang có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 140 Luật Sở hữu trí tuệ, có đầy đủ chữ ký và con dấu của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng, người đại diện cho bên chuyển nhượng là ông Bùi Văn C với chức danh Giám đốc, người đại diện cho Bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn X với chức danh Giám đốc.

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp nêu trên, Cục S trí tuệ nhận thấy: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000783, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/9/2009 nộp cho Cục ngày 11/12/2013 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Bùi Văn C1 (Chủ tịch Hội đồng quản trị) nhưng người ký hợp đồng chuyển nhượng là ông Bùi Văn C (chức danh Giám đốc). Tuy nhiên đến

nay, Cục S trí tuệ chưa có cơ sở để xác định xem tại thời điểm ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, ông Bùi Văn C có phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty hay không? Do Tòa án đang giải quyết tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, căn cứ vào Bản án có hiệu lực pháp luật, Cục S trí tuệ sẽ thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định đối với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

- Ông Bùi Văn C trình bày:

Tháng 9/2013, ông Nguyễn Văn X có đưa cho ông một số giấy tờ nhờ ký. Do không kiểm tra kỹ nên ông đã ký, nay ông mới được biết đó là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu "Quê Tôi, hình". Việc ông ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" cho Công ty T1 là do sơ suất, trái thẩm quyền và trái Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty T.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 27/4/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T:

1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" giữa Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần T1 ngày 10/9/2013 bị vô hiệu.

2. Về xử lý hậu quả vô hiệu: Các đương sự đều không yêu cầu xử lý hậu quả vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 6778/ĐKHĐSH ngày 30/12/2013 của Cục S trí tuệ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/5/2020, bị đơn là Công ty T1 có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐKNPT-VC1-KDTM ngày 26/5/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 30/2020/KDTM-PT ngày 12/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Chấp nhận kháng nghị số 17/QĐKNPT-VC1-KDTM ngày 26/5/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần T1; hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 16/02/2023, Công ty T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/2023/KN-KDTM ngày 30/10/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 30/2020/KDTM-PT ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 30/2020/KDTM-PT ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty T1 được thành lập ngày 05/4/2004, gồm 03 cổ đông sáng lập là ông Bùi Văn C1, bà Ngô Thị P, ông Bùi Văn C. Công ty T có chi nhánh là Nhà máy C do ông Nguyễn Văn X là Giám đốc nhà máy.

[2] Năm 2010, ông X sáng tác ra nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" cho Công ty T. Ngày 29/9/2011, Công ty T được Cục S trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 172810 cho nhãn hiệu "Quê Tôi, hình". Như vậy, chủ sở hữu đối với nhãn hiệu "Quê tôi, hình" là Công ty T.

[3] Năm 2013, Công ty T quyết định chấm dứt hoạt động của chi nhánh với lý do để thay đổi mô hình sản xuất kinh doanh cho phù hợp. Công ty T1 được thành lập và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 07/8/2013, gồm 03 cổ đông sáng lập là ông Bùi Văn C1, ông Nguyễn Văn X (là Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty), ông Nguyễn Thành L. Công ty T1 thuê nhà xưởng và kho của Công ty T tại cùng địa chỉ 374 Hùng V, phường Hùng V, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng để hoạt động.

[4] Tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 15/8/2013 của Công ty T có nội dung: *Hội đồng quản trị Công ty T quyết định ... chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu "Quê tôi, hình" cho Công ty T1, giao cho ông C1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty T ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu "Quê tôi, hình" cho Công ty T1 và được quyền quyết định về giá, thời hạn và mức phí hợp đồng*. Ngày 10/9/2013, Công ty T (do ông Bùi Văn C - Giám đốc Công ty T) và Công ty T1 (do ông Nguyễn Văn X - Giám đốc Công ty T1) đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số AS17-BINHMINH với nội dung: Công ty T chuyển nhượng quyền sở hữu đối với Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu "Quê Tôi, hình", số bằng 172810 cho Công ty T1; bên nhận chuyển nhượng không phải trả phí chuyển nhượng. Tại Quyết định số 3541/QĐ-STTT ngày 30/12/2013, Cục S đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 6778/ĐKHĐSH cho Công ty T1.

[5] Theo quy định tại Điều 95 Luật doanh nghiệp năm 2005 thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty được quy định tại Điều lệ công ty. Căn cứ vào Điều 25 Điều lệ của Công ty T, được thông qua ngày 15/3/2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ khi thành lập (năm 2004) đến ngày 10/10/2015 của Công ty T, đều thể hiện ông Bùi Văn C1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty T. Như vậy, tại thời điểm ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp ngày 10/9/2013 thì ông C1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty T.

[6] Tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 15/8/2013 của Công ty T nêu trên, Hội đồng quản trị chỉ quyết định về việc chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" mà không phải là chuyển quyền sở hữu nhãn hiệu "Quê Tôi, hình" và giao cho ông C1 ký Hợp đồng, không phải là ông C. Ông C1 không ủy quyền cho ông C ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp với Công ty T1 nên việc ông C đại diện cho Công ty T ký Hợp đồng này là trái thẩm quyền, trái với quyết định của Hội đồng quản trị và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Công ty T theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[7] Mặt khác, ông C1 sở hữu cổ phần của cả Công ty T và Công ty T1, nên khi Công ty T1 ký Hợp đồng với Công ty T thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2005. Ông C ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp không được Hội đồng quản trị Công ty T chấp thuận là vi phạm các quy định nêu trên, nên vô hiệu theo quy định tại khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2005; thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu không bị hạn chế theo quy định tại Điều 123, khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 128, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Dân sự năm 2005).

[8] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng người có thẩm quyền của Công ty T biết và chấp thuận, không phản đối việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp; Hợp đồng này đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày đăng ký tại Cục S trí tuệ, đến ngày 21/6/2019 Công ty T mới khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp ngày 10/9/2013 vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 6778/ĐKHĐSH ngày 30/12/2013 của Cục S trí tuệ là có căn cứ. Do các bên đều không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[9] Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Quyết định số 06/QĐ-BM ngày 21/4/2004 của Công ty T (Quyết định bổ nhiệm ông C làm Giám đốc và chủ tài khoản Công ty T) và mục 48.1 Điều 48 Điều lệ Công ty T được các cổ đông thông qua ngày 05/4/2010 quy định Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty để cho rằng việc ông C ký kết Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên là không trái thẩm quyền, là không đúng. Bởi lẽ, tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Điều lệ năm 2010 đã hết hiệu lực và Công ty T đang hoạt động theo Điều lệ năm 2011, trong

đó quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty (Điều 25).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343, Điều 344 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/2023/KN-KDTM ngày 30/10/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 30/2020/KDTM-PT ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về vụ án *"Tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu hàng hóa"* giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần T với bị đơn là Công ty cổ phần T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục S trí tuệ và ông Bùi Văn C.

3. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC - Vụ 10;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Vụ Tổng hợp TANDTC (kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GĐKT II TANDTC (3 bản), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Minh